TÒA ÁN NHÂN DÂN **NAM** **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên
2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều T, sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Anh Lâm Tấn L, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Kiều T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Tấn L chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không chăm lo cho gia đình, chị và anh L đã ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 13/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên đơn yêu cầu ngày 21/3/2022 và tại phiên tòa chị thống nhất xin rút lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Lâm Tấn L: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Lâm Tấn L vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Lâm Tấn L có nơi cư trú tại ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Tấn L tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T có mặt, anh L vắng mặt. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Kiều T và anh Lâm Tấn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị và anh không đăng ký kết hôn theo luật định. Tại thời điểm sống chung chị T đã ly hôn với anh Lê Thành Nam theo bản án số 46/2014/HNGĐ ngày 18/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Chị T và anh L không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Xét, mâu thuẫn giữa chị T và anh L là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Chị và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 13/10/2017. Hiện nay con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét, con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 13/10/2017. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con. Từ khi chị và anh L sống ly thân đến nay cháu Huy sống cùng với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 13/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị T không đặt ra việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ:* Chị T xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Kiều T và anh Lâm Tấn L là vợ chồng.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 13/10/2017 cho chị Nguyễn Kiều T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 21/02/2022 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004424 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công